

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Kim Thái Long

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thủy.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Hùng Th, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà L, ông Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thdo quen biết, sau quá trình tìm hiểu thì phát sinh tình cảm, được gia đình hai bên đồng ý nên đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An ngày 11/9/2012.

Sau khi cưới, vợ chồng cùng chung sống tại nhà riêng ở xã A, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hơn nữa, ông Thkhông tôn trọng bà và gia đình bà từ khi vợ chồng cưới nhau vào năm 2012 đến nay ông Th chưa một lần về thăm quê vợ, mặc dù bà cũng đã nhiều lần đề nghị, nhưng ông Thđều từ chối.

Vợ chồng đã nhiều lần trao đổi đề hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông Thcũng hứa sẽ sửa đổi để cùng bà xây dựng gia đình và nuôi dạy con chung, nhưng không có kết quả. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thu.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Lê Bảo Kh , sinh ngày 25/7/2012 và Lê Bảo Kh , sinh ngày 20/12/2017. Con đang sống với ông Thu, sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông Thđược trực tiếp nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia nợ chung: Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tự khai ngày 02/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Ông Lê Văn Hùng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của Bà L về quá trình quen biết cũng như thời gian kết hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng thì ông cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có cự cãi qua lại như chưa đến mức trầm trọng để phải ly hôn. Do ông làm công nhân xin nghỉ phép không được và điều kiện kinh tế khó khăn, nên từ khi cưới Bà L cho đến nay ông chưa về thăm gia đình vợ. Tại phiên tòa hôm nay, để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng ông đồng ý về thăm quê Bà L , thời gian thì để cho Bà L tự quyết định. Ông vẫn còn thương vợ thương con, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lê Bảo Kh , sinh ngày 25/7/2012 và Lê Bảo Kh , sinh ngày 20/12/2017. Con đang sống với ông, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Thkhông đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lê Văn Hùng Th, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Lê Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lê Văn Hùng Th, xác định Bà L là nguyên đơn, ông Th là bị đơn.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Bà L :

Bà L ông Th xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà L trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông Th không tôn trọng bà cùng gia đình bà. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai không thể hàn gắn. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bà L trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc và mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thu. Bị đơn ông Th thừa nhận có mâu thuẫn gia đình nhưng cho rằng có thể khắc phục được và đề nghị Bà L cho ông thời gian để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, tuy nhiên ông cũng không đưa ra được phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Bà L vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn và không đồng ý duy trì hôn nhân này. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Bà L ông Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà L .

Về nuôi con chung: Ông bà thống nhất trình bày có hai con chung tên Lê Bảo Kh , sinh ngày 25/7/2012 và Lê Bảo Kh , sinh ngày 20/12/2017. Sau khi ly hôn Bà L không yêu cầu nuôi con chung, đồng ý để ông Th tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về phía ông Thu, trong quá trình giải quyết vụ án, ông cũng đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Bảo Kh , sinh ngày 25/7/2012 và Lê Bảo Kh , sinh ngày 20/12/2017 cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của ông Th là không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà L ông Th xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà L ông Th xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Lê Thị Mỹ L đối với Ông Lê Văn Hùng Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với Ông Lê Văn Hùng Th.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011756, ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, Long An. Bà Lê Thị Mỹ L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hiền

